

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST
Ngày: 30/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK - TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Quang Chính – Cán bộ hưu trí.

Ông Trần Minh Thuận – Phó Bí thư huyện đoàn Krông Búk.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy -Thư ký tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Tinh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2017/TLST-HS ngày 26/12/2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2018/QĐXXST-HS ngày 09/01/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Y TÔ N; sinh năm: 1998, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Y Hin B, sinh năm 1965, con bà H'Guồ N, sinh năm 1967, cùng trú tại Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/9/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Y ĐÔI N; sinh năm: 1995, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y Dhoanh M (đã chết), con bà H Bliăh N, sinh năm 1970, trú tại Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/9/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Y ĐIU K; sinh năm: 1998, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y Thép K, sinh năm 1969, con bà H Bi K, sinh năm 1977, cùng trú tại: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày

19/9/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Y KHÔ N; sinh ngày 01/01/2000, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Buôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Ê đê; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Y Dơ M, sinh năm 1961, con bà H' Muăn N, sinh năm 1962, cùng trú tại: Buôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại - Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Y Khô Niê:* Bà H Mlen M – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Y Mân M, sinh năm 1998. Địa chỉ: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- *Những người làm chứng:*

+ Anh Y Thụy N, sinh năm 1993 – có mặt.

Địa chỉ: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Y Wit K, sinh năm 1997 – vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Y Lâm K, sinh năm 1999 – có mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Y Ya Kóp N, sinh năm 1998 – có mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Y Chung K, sinh năm 1997 – vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Y Thông N, sinh năm 1999 – vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Y Tai K, sinh năm 1998 – vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Y Khương K, sinh năm 1998 – vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người phiên dịch cho các bị cáo, người bị hại, người làm chứng:* Ông Y Mung N – Đội phó đội công tác 253 xã C, huyện K – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 19/6/2017, nhóm thanh niên gồm Y Tô N, Y Điu K, Y Đôi N, Y Lâm K, Y Tai K, Y Wit K cùng nhau ngồi uống rượu tại nhà Za Đô tại buôn K, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 20 giờ thì cả nhóm đi lên đám ma tại nhà A Ma Ph ở buôn D, xã C chơi. Đến khoảng 22 giờ thì cả nhóm này đi về, khi đi về còn có thêm Y Khô N nhà tại buôn B, xã E, huyện E và Y Phinh M nhà tại buôn D, xã C; Y Thông N nhà tại buôn D, xã C; Y Khương K nhà tại buôn E, xã C và Y Kóp N nhà tại buôn K, xã C. Khi đi đến đoạn sân bóng đá thuộc buôn D, xã C thì bị một nhóm thanh

niên buồn D chặn đánh, do bị chặn đánh nên nhóm Y Tô N nhặt mỗi người một cây gậy gỗ cả phê khô có kích thước khoảng 01m, đường kính khoảng 05cm ở bên đường để đuổi đánh lại, khi đuổi đến một quán tạp hóa cách đó khoảng 200m thì nhóm Y Tô phát hiện Y Thuy N và Y Mân M đang điều khiển xe mô tô từ hướng buồn D đi về phía sân bóng đá. Y Mân M điều khiển xe, Y Thuy N ngồi phía sau có cầm theo một cây gậy, thấy vậy thì Y Tô N nói “đánh tụi nó đi” thì cả nhóm cầm gậy gỗ đuổi theo đánh Y Mân M và Y Thuy N. Khi bị đuổi đánh thì Y Thuy bỏ chạy thoát, còn Y Mân bị Y Tô đánh một gậy vào vùng vai bên phải nằm gục xuống đất. Tiếp đó Y Đôi N, Y Điu K cầm gậy lao vào đánh lên người Y Mân, Y Khô N lao vào dùng tay, chân đánh vào đầu và đập vào người Y Mân. Đến khi Y Mân M không cựa quậy nữa thì dừng lại không đánh nữa và cả nhóm đi về.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số 950/PY-TgT, ngày 27/7/2017, của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Y Mân M bị đa thương, chấn động não, tỷ lệ thương tích 12%. Vật tác động: Cứng, tày.

Vật chứng của vụ án: Sau khi đánh anh Y Mân M, trên đường đi về nhà Y Tô, Y Điu, Y Đôi đã vứt gậy gỗ bên lề đường đi, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 02/KSĐT-HS ngày 25/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố các bị cáo Y Tô N, Y Điu K, Y Đôi N và Y Khô N về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa các bị cáo Y Tô N, Y Điu K, Y Đôi N và Y Khô N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của các bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Y Tô N, Y Điu K, Y Đôi N và Y Khô N phạm tội “Cố ý gây thương tích” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 để xử phạt:

- + Bị cáo Y Tô N từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.
- + Bị cáo Y Điu K từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù.
- + Bị cáo Y Đôi N từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù.

- Áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 91; Điều 101 BLHS năm 2015 để xử phạt:

- + Bị cáo Y Khô N từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 585, 587, 590 Bộ luật dân sự: Đề nghị HĐXX chấp nhận việc thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa các bị cáo Y Tô N, Y Điu K, Y Đôi N, Y Khô N với người bị hại Y Mân M, mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 25.000.000 đồng. Công nhận các bị cáo Y Tô N, Y Điu K đã bồi thường xong cho người bị hại. Bị cáo Y Đôi N phải tiếp tục bồi thường thiệt hại số tiền 22.700.000 đồng; bị cáo Y Khô N phải tiếp tục bồi thường số tiền 24.000.000 đồng cho người bị hại là anh Y Mân M.

Người bào chữa cho bị cáo Y Khô N trình bày quan điểm bào chữa: Không đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 đối với bị cáo Y Khô N. Bị cáo Y Khô không dùng hung khí nguy hiểm để đánh anh Y Mân mà bị cáo chỉ dùng tay, chân đánh vào đầu và đập vào lưng người bị hại nên tỷ lệ thương tích gây ra không đủ để áp dụng khoản 2 Điều 134. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm đối với hậu quả của bị cáo gây ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế, bị cáo có nhân thân tốt phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, 2 Điều 51, bị cáo phạm tội trong trường hợp người chưa thành niên phạm tội nên được hưởng chính sách xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội quy định có lợi cho người phạm tội của BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 91; Điều 100 BLHS năm 2015 áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Y Khô N.

Ý kiến tranh luận của Kiểm sát viên: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự chuẩn bị, bàn bạc, phân công vai trò của từng người cụ thể. Các bị cáo đều là người thực hành tích cực và phải chịu trách nhiệm như nhau về hành vi vi phạm. Vì vậy bị cáo Y Khô N phải chịu trách nhiệm hình sự về tội cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS.

Các bị cáo Y Tô N, Y Điu K, Y Đôi N, Y Khô N không có ý kiến tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại Y Mân M không có ý kiến tranh luận gì đối với luận tội của Viện kiểm sát, ý kiến bào chữa của người bào chữa. Về trách nhiệm hình sự đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đối với Y Phinh M, Y Thông N, Y Wit K, Y Lâm K, Y Tai K, Y Ya Kôp N, Y Khương K, có đi cùng với các bị cáo nhưng không tham gia đánh anh Y Mân M nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk không khởi tố là đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người

nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Y Tô N, Y Đồi N, Y Điu K, Y Khô N khai nhận: Vào khoảng 22 giờ ngày 19/6/2017, do bị nhóm thanh niên người đồng bào chặn đánh tại khu vực sân bóng đá buôn D nên các bị cáo và một số người bạn đi cùng đã nhặt các cây gậy gỗ khô ven đường để đuổi đánh lại, khi đuổi cách sân bóng đá khoảng 200m thì gặp Y Mân M và Y Thuy N đi xe mô tô về phía sân bóng. Lúc này các bị cáo đã lao vào để đánh Y Mân và Y Thuy, lúc này Y Thuy bỏ chạy thoát còn Y Mân bị các bị cáo dùng gậy gỗ và tay, chân đánh gây thương tích, tỷ lệ thương tật là 12%. Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Với hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Y Tô N, Y Đồi N, Y Điu K, Y Khô N phạm tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 104 BLHS.

Điều 104 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong những trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

a, Dùng hung khí nguy hiểm;

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Tuy nhiên để thực hiện các quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì được áp dụng các quy định về hình phạt nhẹ hơn và các quy định có lợi cho người phạm tội do Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, quy định đối với người phạm tội trong đó có tội “Cố ý gây thương tích”. Vì vậy cần vận dụng để xem xét đối với hành vi của các bị cáo.

Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong những trường hợp sau đây thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a, Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, mà còn làm mất trật tự an ninh tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, các bị cáo biết được rằng sức khỏe của con người là vốn quý được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến sức khỏe của người khác đều bị pháp luật nghiêm trị. Trong vụ án này các bị cáo và người bị hại không có mâu thuẫn gì với nhau, người bị hại là anh Y Mân M không phải là người ở trong nhóm thanh niên chặn đánh các bị cáo nhưng các bị cáo nhìn thấy người đi từ phía ngược lại là xông vào đánh, điều này thể hiện tính côn đồ và xem thường pháp luật của các bị cáo. Trong vụ án này các bị cáo phải chịu tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự, đó là dùng hung khí nguy hiểm. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm đơn giản, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc phân công từ trước nhưng tất cả các bị cáo đều có ý chí cùng thực hiện tội phạm, các bị cáo đều là người thực hành tích cực. Vì vậy các bị cáo Y Tô N, Y Đôi N, Y Điu K phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau về hậu quả chung do tội phạm gây ra. Đối với bị cáo Y Khô N, bị cáo sinh ngày 01/01/2000, đến ngày thực hiện hành vi phạm tội ngày 19/6/2017, bị cáo mới được 17 tuổi 6 tháng 18 ngày, do vậy bị cáo được hưởng các quy định về xử lý người chưa thành niên phạm tội theo quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại (bị cáo Y Tô, Y Điu mỗi bị cáo bồi thường 25.000.000đ; bị cáo Y Đôi 2.300.000đ; bị cáo Y Khô 1.000.000đ), người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015 mà các bị cáo được hưởng. Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng nên áp dụng Điều 54 BLHS năm 2015 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án người bị hại là anh Y Mân M đã kê khai chi phí điều trị thương tích và các khoản chi phí khác với tổng số tiền

là 99.740.000 đồng, bao gồm các khoản chi phí sau: Viện phí tại bệnh viện đa khoa thị xã Buôn Hồ 600.000 đồng (không có hóa đơn); chi phí thuê xe cấp cứu và xe chuyển đến bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh 1.300.000 đồng (không có hóa đơn); Viện phí tại bệnh viện đa khoa Thiện Hạnh 3.440.000 đồng (có hóa đơn); chi phí khám hai lần ở thành phố Hồ Chí Minh và khám ngoài 20.000.000 đồng (không có hóa đơn); chi phí tiền công, tiền công không đi làm được 200.000đ/ngày x 11 ngày = 2.200.000 đồng; tiền công người chăm sóc 200.000đ/ngày x 11 ngày = 2.200.000 đồng; tiền công trong thời gian phục hồi sức khỏe 200.000đ/ngày x 5 tháng = 30.000.000 đồng; tiền tổn hại về sức khỏe và tinh thần 40.000.000 đồng. Tại phiên tòa các bị cáo Y Tô N, Y Điu K, Y Đôi N, Y Khô N và người bị hại Y Mân M đã thống nhất thỏa thuận mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 25.000.000 đồng. Bị cáo Y Tô N và Y Điu K đã bồi thường xong, bị cáo Y Đôi N phải tiếp tục bồi thường số tiền 22.700.000 đồng, bị cáo Y Khô N phải tiếp tục bồi thường số tiền 24.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và người bị hại là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên cần chấp nhận là phù hợp với Điều 585, 587 và Điều 590 BLDS.

[7] Về án phí: Các bị cáo Y Tô N, Y Điu K, Y Khô N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Y Khô N phải chịu 1.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; gia đình bị cáo Y Đôi N là hộ nghèo theo quy định của chính phủ nên bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Y Tô N, Y Điu K, Y Đôi N và bị cáo Y Khô N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Y TÔ N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 15/9/2017.

Xử phạt: Bị cáo Y ĐIU K 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 19/9/2017.

Xử phạt: Bị cáo Y ĐÔI N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 19/9/2017.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54; Điều 91; Điều 101 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Y KHÔ N 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 585; Điều 587; Điều 590 Bộ luật dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo Y Tô N, Y Điu K, Y Đôi N, Y Khô N và người bị hại Y Mân M. Mỗi bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho anh Y Mân số tiền 25.000.000 đồng, bị cáo Y Tô N và Y Điu K đã bồi thường xong. Bị cáo Y Đôi N phải tiếp tục bồi thường số tiền 22.700.000 đồng, bị cáo Y Khô N phải tiếp tục bồi thường số tiền 24.000.000 đồng cho người bị hại anh Y Mân M.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Y Tô N, Y Điu K, Y Khô N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Y Khô N phải chịu 1.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Y Đôi N.

Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện Krông Búk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- Các bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Anh Thái